TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2020.
V/v Ly hôn giữa bà D và ông D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hiệp

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 881/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2019, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐSTXX-HNGĐ ngày 26/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐ-HPT ngày 23/6/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Đình Lệ D, sinh năm 1971

Địa chỉ: Đường K, Phường B, quận P, Tp Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Châu Bỉnh D, sinh năm 1969 (Đương sự vắng mặt)

Địa chỉ: Đường T, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Đình Lệ D trình bày: Bà D và ông Châu Bỉnh D sống chung với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/02 ngày 28/10/2002. Sau khi kết hôn, giữa hai vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính cách và lối sống khác nhau. Bà D nhận thấy ông D không có trách nhiệm với gia đình, mọi việc trong gia đình bà D đều phải tự mình lo lắng. Mặc dù hai bên cũng đã tự ngồi lại với nhau để hòa giải, hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Sau thời gian dài ly thân, nay bà D xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông D nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà D và ông Châu Bỉnh D có 01 con chung tên Châu Ng, sinh ngày 25/4/2003. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà D không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D tự khai không có.

Bị đơn: Ông Châu Bỉnh D vắng mặt, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông Châu Bỉnh D vắng mặt. Bà Nguyễn Đình Lệ D có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét thấy các bên đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc sống ly thân, các bên không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung tên Châu Nguyễn, sinh ngày 25/4/2003 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: bà D tự khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Đình Lệ D và ông Châu Bỉnh D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 94, Quyển số 01/02 ngày 28/10/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Nhưng theo lời khai của bà Nguyễn Đình Lệ D thì trong quá trình chung sống, bà D và ông Châu Bỉnh D phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được, dẫn đến việc vợ chồng không còn chung sống với cùng nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay. Cho thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông D đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài.

Phía ông Châu Bỉnh D mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án không thể lấy được lời khai, ý kiến trình bày của ông D, ông D cố tình không đến tòa, thể hiện sự xem thường pháp luật, bản thân không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do

đó, yêu cầu của bà D xin ly hôn với ông D là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Nguyễn, sinh ngày 25/4/2003, bà D yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay trẻ Châu Ng đang ở cùng với bà D, Tòa án ghi nhận nguyện vọng của trẻ cũng muốn ở cùng bà D. Tòa án không lấy được lời khai, ý kiến của ông D về việc nuôi con, ông D vẫn có điều kiện lui tới chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận yêu cầu của bà D được trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà D không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D tự khai không có tài sản chung và không nợ ai vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Đình Lệ D

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Đình Lệ D được ly hôn với ông Châu Bỉnh D.

- Về con chung: Giao con chung tên Châu Nguyễn, sinh ngày 25/4/2003 cho bà Nguyễn Đình Lệ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Bà D tự khai không có tài sản chung, không có nợ ai.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Đình Lệ D phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011938 ngày 26/12/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà D đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND Phường B, Quận P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Bảy